TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/KDTM-PT
Ngày: 27/3/2025
V/ v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quý Sửu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Toàn, ông Hoàng Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Đỗ Quang Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2024/KDTM-PT ngày 27/11/2024, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐ-PT ngày 03/02/2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành T; Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp (Quyết định ủy quyền số 791/NNNo.TN- KTKS ngày 29/6/2021); có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần G1.

Địa chỉ: Tổ A, P. P, TP ., tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Hồng L; Cổ đông Công ty Cổ phần G1 (Giấy ủy quyền ngày 22/5/2024); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Dương Thu H; Công ty L1; Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: số A, ngõ D, đường V, phường L, quận B, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ A, phường Q, TP ., tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

2. Bà Cù Thủy O, sinh năm 1963; hiện đang chấp hành án tại: Đ, K, Trại giam P, Bộ C2; vắng mặt; uỷ quyền cho ông Nguyễn Thanh B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà O, ông B: Luật sư Trần Văn C - Công ty L2; địa chỉ: E T, phường D, quận C, thành H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng N, đại diện theo ủy quyền ông Lê Thành T trình bày:

Ngân hàng N; Chi nhánh tỉnh T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 ngày 23/9/2015 và Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 số 01/PLHĐ2015 ngày 24/11/2015 với Công ty cổ phần G1 (sau đây gọi tắt là Công ty), đại diện là bà Cù Thủy O, chức vụ Giám đốc. Mục đích cấp tín dụng: Sản xuất, kinh doanh mặt hàng Giống cây lương thực. Hạn mức cấp tín dụng là 6.000.000.000 đồng; Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay: Áp dụng theo các văn bản về lãi suất cho vay do A Chi nhánh tỉnh T quy định và được ghi trên giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với nợ gốc quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức nêu trên, ngày 23/9/2015, Công ty cổ phần G1, bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản; cụ thể:

Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 05/GCT/2012/TC ngày 13/6/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01/GCT/2015/PLHĐTC ngày 27/8/2015, giữa bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B, Công ty Cổ phần G1 với A Chi nhánh tỉnh T. Nội dung: bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B thế chấp tài sản cho các Hợp đồng cấp tín dụng được ký giữa A Chi nhánh tỉnh T và Công ty Cổ phần G1 (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí khác liên quan) trong đó hạn mức dư nợ số tiền cho vay theo các Hợp đồng tín dụng là 1.041.000.000 đồng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 321, tờ bản đồ số 32 Phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 107m², loại đất T; thời hạn sử dụng: Lâu dài và tài sản gắn liền với đất là nhà ở trên đất, diện tích 160m².

Hợp đồng thế chấp tài sản số 130516/GCT/HĐTC ngày 16/5/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 03/GCT/2015/PLHĐTC ngày 27/8/2015, giữa Công ty Cổ phần G1 và A Chi nhánh tỉnh T. Nội dung đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty cổ phần G1 đối với A Chi nhánh tỉnh T (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan nếu có) trong đó mức dư nợ số tiền cho vay theo các Hợp đồng tín dụng giữa A Chi nhánh tỉnh T và Công ty cổ phần G1 ký là 857.040.000 đồng. Tài sản thế chấp là Trụ sở làm việc, kho giống cùng các công trình phụ trợ khác bao gồm: Nhà văn phòng làm việc cấp 4 diện tích xây dựng 277m², Nhà chứa dụng cụ cấp 4 diện tích xây dựng 43,2m², Nhà sấy cấp 4 diện tích xây dựng 135m², Nhà chế biến giống diện tích xây dựng 182,5m², Nhà bảo quản giống 1 diện tích xây dựng

115,5m², Nhà bảo quản giống 2 diện tích xây dựng 113,5m², Nhà bảo quản giống 3 diện tích xây dựng 113,5m²; Giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất: là 1.142.720.000 đồng tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 13 xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích: 16692,7m²; Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng: Đến hết 15/10/2043; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền đất hàng năm. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 ngày 23/09/2015, Công ty đã trả như sau:

Giấy nhận nợ ngày 01/10/2015, số tiền 577.000.000 đồng, Công ty đã trả được 567.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 02/6/2016;

Giấy nhận nợ ngày 02/10/2015, số tiền 484.000.000 đồng, Công ty đã trả 474.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 10.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/06/2016;

Giấy nhận nợ ngày 05/10/2015, số tiền 15.573.000 đồng, còn nợ tiền gốc 15.573.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 07/06/2016;

Giấy nhận nợ ngày 18/11/2015, số tiền 62.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc 62.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 19/7/2016;

Giấy nhận nợ ngày 24/11/2015, số tiền 650.000.000 đồng, Công ty đã trả 125.000.000 đồng, còn nợ gốc 525.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 26/7/2016;

Giấy nhận nợ ngày 27/11/2015, số tiền 200.000.000 đồng, Công ty đã trả 160.000.000 đồng, còn nợ gốc 40.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 28/7/2016;

Giấy nhận nợ ngày 11/5/2016, số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ gốc 70.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 12/01/2017;

Giấy nhận nợ ngày 27/5/2016, số tiền 70.000.000 đồng, còn nợ gốc 70.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/02/2017;

Giấy nhận nợ ngày 1/6/2016, số tiền 300.000.000 đồng, còn nợ gốc 300.000.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/02/2017;

Giấy nhận nợ ngày 02/6/2016, số tiền 98.482.000 đồng, còn nợ gốc 98.482.000 đồng, chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 03/02/2017.

Do Công ty trình bày gặp khó khăn và hiện tại có một số chính sách về miễn giảm lãi hỗ trợ khách hàng sau Covid, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi quá hạn và giảm một phần lãi suất trong hạn theo thỏa thuận của hợp đồng từ 9%/năm xuống 4,89%/năm. Tổng dư nợ của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 ngày 23/9/2015 tính đến hết ngày 06/06/2024 là: 1.671.268.941đồng, trong đó tiền vay gốc là 1.201.055.000 đồng, tiền lãi là 470.213.941 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 06/06/2024 là: 1.671.268.941 đồng, trong đó tiền gốc là 1.201.055.000 đồng, tiền lãi là 470.213.941 đồng và khoản tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức kể từ ngày 31/5/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ gốc.

2. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

3. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán các khoản nợ của Công ty, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty cổ phần G1 để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Công ty Cổ phần G1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Hiện nay Bộ máy quản lý của Công ty đã thay đổi toàn bộ, không biết gì về khoản vay, không được bàn giao tài liệu gì liên quan đến khoản vay với Ngân hàng. Vì vậy Công ty không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp, không có thông tin để trình bày về khoản vay trên, Công ty không đồng ý về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với khoản vay này.

Đối với các tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp gắn liền với đất tại thửa đất số 399, tờ bản đồ số 13 xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, diện tích: 16692,7m² Nhà nước cho thuê đất trả tiền đất hàng năm, hiện nay Công ty đang quản lý.

Đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 321, tờ bản đồ số 32 phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 107m² và tài sản gắn liền với đất, Công ty không biết tài sản này. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty mới biết đây là tài sản của bà O, ông B. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần G1 mới được tái cơ cấu lại đầu năm 2021, sau khi mua lại cổ phần chuyển nhượng vốn nhà nước thông qua bán đấu giá công khai. Bộ máy lãnh đạo hiện nay hoàn toàn là những người mới, không được nhận bản giao tài liệu, sổ sách cũng như công nợ gì từ bộ máy lãnh đạo cũ. Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về khoản vay này. Đề nghị triệu tập bà Cù T1 là người đại diện theo pháp luật cũ đến tòa để làm rõ; Đề nghị áp dụng thời hiệu đối với toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt vi phạm theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đề nghị xem xét tính hợp pháp của giấy ủy quyền ngày 1/9/2015 liên quan đến khoản vay là lĩnh tiền mặt của bà Trần Thị Hồng H1 lĩnh theo giấy uỷ quyền 1/9/2015, cụ thể: Giấy lĩnh tiền vay ngày 1/10/2015, số tiền 412 triệu đồng; Giấy lĩnh tiền vay ngày 24/11/2015, số tiền 650 triệu đồng; Giấy lĩnh tiền vay ngày 27/11/2015, số tiền 200 triệu đồng. Nội dung ghi trên Giấy lĩnh tiền thì giấy ủy quyền được lập ngày 1/9/2015, trong khi đó Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số

8500LAV201500544 được ký kết ngày 23/9/2015, tại sao chưa ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng mà đã ủy quyền lĩnh tiền mặt.

Đề nghị xem xét, thẩm định lại đối với tài sản thế chấp do buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/12/2022 không có mặt bị đơn và bị đơn cũng không nhận được thông báo, không biết nên không được chứng kiến buổi xem xét, thẩm định này. Điều này không đảm bảo khách quan và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích chính đáng của Công ty cổ phần G1.

Bà Cù Thủy O trình bày:

Đề nghị Toà án xem xét thời hiệu khởi kiện của Ngân hàng khi yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ gốc của Công ty CP G1, yêu cầu Công ty có trách nhiêm trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp không trả được khoản nợ vay thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp của Công ty trước sau đó mới xử lý đến tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của vợ chồng bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B. Trường hợp Ngân hàng phát mại tài sản của vợ chồng bà thì, Công ty phải hoàn trả lại cho vợ chồng bà số tiền gốc và lãi suất phải trả cho Ngân hàng tính tại thời điểm xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Cù Thủy O có ký Hợp đồng thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 05/GCT/2012/TC ngày 13/06/2012 và Phụ lục hợp đồng số 01/GCT/2015/PLHĐTC ngày 27/08/2015 giữa ông Nguyễn Thanh B, bà Cù Thủy O, Công ty CP G1 và A chi nhánh tỉnh T. Tài sản thế chấp là nhà đất tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 32, diện tích đất 107m², diện tích nhà ở 160m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND tỉnh T cấp ngày 20/03/1998 đứng tên bà Cù Thủy O. Phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm (gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan, nếu có) là: 1.041.750.000 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần G1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ như nêu trên. Nếu Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp của Công ty Cổ phần G1, của bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B để thu hồi nợ. Ông Nguyễn Thanh B đề nghị: Về số nợ với Ngân hàng, ông đề nghị Công ty cổ phần G1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và hoàn trả lại cho gia đình ông G chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Cù Thủy O. Không nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng về việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Đất và tài sản trên đất của vợ chồng ông. Ông đề nghị Công ty phải có trách nhiệm trả nợ và chỉ thực hiện việc kê biên, phát mại tài sản của Công ty để trả nợ vì Công ty có tài sản để trả nợ nên không cần phải kê biên, phát mại tài sản của vợ chồng ông. Đề nghị Công ty CP G1 trả toàn bộ khoản vay và làm thủ tục xóa thế chấp trả lại giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng ông.

Ông Nguyễn Thanh B có yêu cầu độc lập: Buộc Công ty CP G1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông tổng số tiền gốc và lãi trong trường hợp

vợ chồng ông phải trả nợ thay cho Công ty khoản tiền nợ của Ngân hàng, số tiền sẽ được tính tại thời điểm xét xử căn cứ vào thời điểm tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vì tính đến ngày khởi kiện đã quá thời hiệu khởi kiện. Công ty có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi và các khoản tiền phát sinh. Bà O, ông B chỉ có trách nhiệm trả nợ khi Công ty CP G1 không có khả năng chi trả khoản nợ theo quy định pháp luật.

Đề nghị xác định rõ số tiền và nghĩa vụ phải đảm bảo (tương đương 70% giá trị tài sản thế chấp) đã ký kết với ông B, bà O theo Hợp đồng thế chấp. Xác định rõ phạm vi trách nhiệm phải bảo lãnh thanh toán trả nợ bằng tài sản thế chấp theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng và pháp luật về Ngân hàng có liên quan. Đề nghị làm rõ tình trạng tài chính và khả năng thanh toán công nợ, giá trị tài sản hiện có của Công ty, nếu công ty không có khả năng trả toàn bộ khoản nợ bao gồm gốc, lãi cho Ngân hàng thì đề nghị xác minh làm rõ.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty Cổ phần G1.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về yêu cầu tính lãi suất quá hạn đối với Công ty Cổ phần G1.

3. Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Công ty CP G1 đối với yêu cầu tính lãi suất bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng N.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Thanh B, ba Cù Thủy O đối với Công ty CP G1.

5. Buộc Công ty Cổ phần G1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 ngày 23/9/2015 và Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 8500LAV201500544 số 01/PLHĐ2015 ngày 24/11/2015, tính đến ngày 06/06/2024 gồm: Nợ gốc: 1.201.055.000 đồng; Nợ lãi: 470.213.941đồng. Tổng nợ: 1.671.268.941đ (*Một tỉ sáu trăm sáu trăm bảy mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm bốn mốt đồng*).

Công ty CP G1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm 06/6/2024 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

6. Trường hợp Công ty Cổ phần G1 không thanh toán được toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý, kê biên, phát mại tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi khoản nợ, gồm:

- Tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 399; Tờ bản đồ số 13; Địa chỉ: Xã A, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Diện tích: 16692,7m²; Hình thức sử dụng riêng 16692,7m²: Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh; Thời hạn sử dụng: Đến hết 15/10/2043; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền đất hàng năm. Tài sản gắn liền trên đất là Trụ sở làm việc, kho giống cùng các công trình phụ trợ khác bao gồm: Nhà văn phòng làm việc cấp 4 diện tích xây dựng 277m², Nhà chứa dụng cụ cấp 4 diện tích xây dựng 43,2m², Nhà sấy cấp 4 diện tích xây dựng 135m², Nhà chế biến giống diện tích xây dựng 182,5m², Nhà bảo quản giống 1 diện tích xây dựng 115,5m², Nhà bảo quản giống 2 diện tích xây dựng 113,5m², Nhà bảo quản giống 3 diện tích xây dựng 113,5m² theo Hợp đồng thế chấp tài sản (Gắn liền với quyền sử dụng đất) số 130516/GCT/HĐTC ngày 16/5/2013 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 130516/GCT/HĐTC số 03/GCT/2015/PLHĐTC ngày 27/8/2015.

- Quyền sử dụng đất số M193313 tại thửa đất số 321, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất: Phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 107m² (bằng chữ: Một trăm linh bảy mét vuông); Loại đất T; thời hạn sử dụng: Lâu dài và Tài sản gắn liền với đất là nhà ở trên đất; Diện tích 160m2, theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba (Gắn liền với quyền sử dụng đất) số 05/GCT/2012/TC ngày 13/6/2012 và Phụ lục hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 05/GCT/2012/TC số 01/GCT/2015/PLHĐTC ngày 27/8/2015 để thu hồi số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.

Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán các khoản nợ của Công ty Cổ phần G1 thì A Chi nhánh tỉnh T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của Công ty cổ phần G1 để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/6/2024, bị đơn, Công ty Cổ phần G1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo, bị đơn cho rằng Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung; không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, không triệu tập bà Cù Thủy O và những người liên quan để làm rõ quá trình chi trả tiền mặt có đúng mục đích vay không; Ngân hàng không có tài liệu chứng minh việc kiểm tra, kiểm soát tiền vay đúng mục đích. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Cù Thủy O, ông Nguyễn Thanh B xác định không kháng cáo; các đương sự giữ nguyên nội dung quan điểm trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm như nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận cho rằng: Bản án sơ thẩm gốc được thông qua tại phòng nghị án không có chữ ký của 01 thành viên Hội đồng xét xử; Giấy uỷ quyền số 791 ngày 29/6/2021 của ông Nguyễn Văn B1, giám đốc A chi nhánh T cho ông Lê Thành T tham gia tố tụng, đến ngày 28/3/2024, ông Trịnh Xuân Đ được bổ nhiệm Giám đốc, nhưng không có việc uỷ quyền từ ông Đ cho ông T là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp phần kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về vi phạm thủ tục tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm:

Bản án gốc do Hội đồng xét xử sơ thẩm thông qua tại phòng nghị án không có chữ ký của 01 thành viện Hội đồng xét xử như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên, tại Biên bản nghị án đã có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng khi ban hành bản án gốc, nhưng bản án gốc đã được Hội đồng xét xử thông qua tại phòng nghị án theo Biên bản nghị án, nên không làm thay đổi nội dung bản án. Toà án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Về nội dung uỷ quyền của bị đơn: Tại Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N đã uỷ quyền thường xuyên cho Giám đốc, Phó giám đốc các Chi nhánh thuộc A mà không uỷ quyền cho cá nhân giám đốc. Tại Văn bản uỷ quyền số 791/NHNo.TN-KTKS ngày 29/6/2021 của Giám đốc A chi nhánh T uỷ quyền cho ông Lê Thành Trung đại D cho A tham gia tố tụng. Thời hạn uỷ quyền từ ngày ký cho đến khi kết thúc vụ án. Vì vậy, có thay đổi người đại diện của Chi nhánh, giấy uỷ quyền cho ông Lê Thành T vẫn còn hiệu lực pháp luật, nên ông T tham gia tố tụng là không vi phạm.

Về nội dung:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Về số tiền gốc, lãi Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả theo hợp đồng tín dụng hạn mức:

[3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng hạn mức giữa người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Cù Thủy O với Ngân hàng và các Giấy nhận nợ của Công ty với Ngân hàng, có đủ căn cứ xác định Công ty còn nợ Ngân hàng khoản tiền gốc: 1.201.055.000 đồng.

[4] Về khoản tiền lãi: Theo nội dung thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, giữa Ngân hàng với Công ty, lãi suất cho vay trong hạn là 09%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại phiên toà sơ thẩm Ngân hàng không yêu cầu Công ty phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quá hạn và giảm lãi suất vay trong hạn xuống còn 4,89%/năm, xác định khoản tiền lãi tính đến hết ngày 06/06/2024 là 470.213.941 đồng, là có căn cứ. Việc Ngân hàng không yêu cầu Công ty trả lãi theo mức lãi suất quá hạn và giảm lãi suất vay trong hạn cho Công ty là việc sửa đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện. Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu tính lãi suất quá hạn là không đúng quy định, cần rút kinh nghiệm.

[4] Về nội dung kháng cáo, bị đơn cho rằng Bộ máy quản lý của Công ty đã thay đổi toàn bộ, không biết gì về khoản vay, không được bàn giao tài liệu gì liên quan đến khoản vay với Ngân hàng, Công ty không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp, không có thông tin để trình bày về khoản vay trên, Công ty không đồng ý về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản vay này.

Xét thấy, việc thay đổi bộ máy hoạt động của Công ty là do thay đổi tỷ lệ góp vốn của các cổ đông trong Công ty, không thay đổi pháp nhân của Công ty, Toà án cấp sơ thẩm buộc Công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ do người đại diện theo pháp luật của Công ty giao kết hợp đồng là có căn cứ. Việc sử dụng số tiền vay có đúng mục đích hay không, thuộc trách nhiệm nội bộ của Công ty.

Về yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi:

[5] Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 23/9/2015 giữa Ngân hàng với Công ty, tại khoản 2 Điều 5: Nợ quá hạn và lãi suất phạt quá hạn, các bên thoả thuận:

Khi đến kỳ hạn trả nợ, nếu Bên B không trả nợ đúng hạn gốc hoặc lãi và không được Bên B cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ thì bên B sẽ chuyển toàn bộ số dư nợ của hợp đồng tín dụng sang nợ quá hạn và Bên B phải chịu lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong…

[6] Do C1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng chuyển khoản nợ gốc sang nợ quá hạn theo từng Giấy nhận nợ. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Vì vậy, nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với khoản tiền lãi không có giới hạn xác định cụ thể tại thời điểm nào. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của Công ty là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí:

[7] Án phí phúc thẩm: Đương sự kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần G1; giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần G1 phải chịu 2.000.000 đồng án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002968 ngày 28/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2024/KDTM-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Quý Sửu